TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 31/8/2020
V/v "Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Nguyễn Hùng Việt - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc "*Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn".* Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên; kháng cáo của bị đơn anh Đặng Tấn C và của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Kim H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2020; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 18/2020/TB-TA ngày 31 tháng 7 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 19/2020/QĐPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1984; Nơi ĐKTT: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Minh T- Luật sư Văn phòng luật sư số 01 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Tấn C, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Kim H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Đặng Tấn C; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Kim H.

Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Đặng Tấn C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân (UBND) phường P, thành phố T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 12/3/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 3/2018, chị Th phát hiện anh C có quan hệ tình cảm nam nữ với người khác, khuyên can không được nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Th nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Chị Th và anh C chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng đến năm 2012 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được nhà, đất tọa lạc tại Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở thì chỉ có mình anh C đứng tên (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 663640 do UBND thành phố T cấp ngày 28/9/2011 cho anh Đặng Tấn C).

Sau khi chị Th và anh C cãi nhau, vợ chồng sống ly thân thì anh C năn nỉ chị về ở lại và ngày 20/8/2015 anh C làm thủ tục tặng cho chị nhà, đất. Tại thời điểm tặng cho, căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nên anh C chỉ làm Hợp đồng tặng cho ½ quyền sử dụng đất cho chị. Đến ngày 05/10/2015, chị Th và anh C được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 724267. Như vậy, nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng. Nay ly hôn, chị Th đồng ý giao tài sản cho anh C và anh C phải thối lại ½ giá trị tài sản. Trường hợp anh C không đồng ý thì chị Th nhận tài sản và thối lại cho anh C ½ giá trị thị trường tương ứng số tiền 1.200.000.000đ/2 = 600.000.000đ; hỗ trợ thêm cho anh C 150.000.000đ để dọn nhà đến nơi ở mới. Ngoài nhà, đất nêu trên thì còn có vật dụng trong nhà nhưng chị Th không yêu cầu chia tài sản này và cũng không yêu cầu chia tài sản nào khác.

- Về nợ chung: Trước đây, vợ chồng chị có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam thành phố T số tiền 220.000.000đ

(Hai trăm hai mươi triệu đồng) để làm ăn và có thế chấp số đỏ nhưng ngày 01/6/2019 đã trả hết nợ nên sổ đỏ giao cho anh C giữ. Vì vậy tới thời điểm hiện nay vợ chồng không còn khoản nợ nào khác.

Đối với khoản nợ 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)* mà anh C trình bày nợ của anh Lê Kim H thì đó là khoản nợ riêng của anh C và anh H không liên quan gì đến chị, anh C vay về làm gì chị không biết, lâu nay giấy tờ nhà đất anh chị thế chấp cho ngân hàng vay. Hiện nay anh Lê Kim H đang giữ sổ đỏ của vợ chồng chị là do anh C tự ý đưa cho anh H. Do đó, chị yêu cầu anh H trả lại giấy tờ nhà đất cho vợ chồng chị.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Tấn C trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Anh C thống nhất với chị Th về việc kết hôn. Sau khi kết hôn, chị Th thường xuyên bỏ nhà đi không rõ lý do. Vợ chồng không mâu thuẫn, kình cãi gì. Cách đây hai năm, con riêng của anh C có ghé lại nhà thì chị Th đi ra ngoài rồi đi luôn, anh cũng đi tìm nhưng không biết chị ở đâu. Nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh C đồng ý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Căn nhà và đất tại khu phố 4, phường P, thành phố T anh vay tiền mua của ông Nguyễn Tấn Kh giá 350.000.000đ năm 2010, xây nhà năm 2010, đến năm 2011 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp sổ, anh C xây dựng nhà thiếu tiền nên vay tiếp.

Anh gặp chị Th chung sống với nhau, chị Th cũng không làm nghề gì ra thu nhập, toàn bộ thu nhập chính là do anh làm ra. Năm 2015, anh và chị Th có đến văn phòng công chứng lập hợp đồng tặng cho ½ diện tích đất *(chứ không cho nhà)* để đưa chị Th vào cùng đứng tên trên giấy chứng nhận. Tuy nhiên, anh nghĩ chỉ tặng cho để cùng ở chứ không nghĩ phải chia tài sản. Nay chị Th yêu cầu chia đôi nhà đất thì anh không đồng ý. Nếu chị Th không có chỗ ở thì yêu cầu đập nhà, chia đôi đất, anh ở một bên, chị Th ở một bên. Anh C không đồng ý nhận nhà đất thối lại giá trị tài sản cho chị Th vì không có tiền.

Ngoài nhà đất này còn có các vật dụng trong nhà nhưng chị Th không yêu cầu chia nên anh C không yêu cầu và anh cũng không yêu cầu chia tài sản nào khác.

- Về nợ chung: Năm 2010 và 2011, anh C vay của anh Lê Kim H tổng cộng số tiền 1.000.000.000đ (giấy nợ gốc hiện do anh Lê Kim H giữ) về mua đất xây dựng nhà lúc chưa gặp chị Th, lúc đầu giấy tờ đất chỉ đứng tên một mình anh, việc vay mượn với anh H lúc anh chưa gặp chị Th nên anh H nói không liên quan chị Th là đúng. Đến năm 2012 anh mới cưới chị Th về chung sống tại nhà không sửa chữa xây cất gì thêm. Nhưng nay chị Th đòi chia hai căn nhà và đất thì anh yêu cầu cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ cho anh H xong còn lại mới chia hai theo giá của

Hội đồng định giá, sau khi trả hết nợ thì anh H mới trả lại giấy tờ nhà đất. Ngoài ra, anh C không còn khoản nợ nào khác.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Kim H trình bày như sau:***

Do anh H với anh C là bạn bè thân thiết nên vào ngày 26/12/2010, anh có cho anh Đặng Tấn C vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) để mua đất, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,2%/tháng, lãi trả hàng tháng còn tiền gốc thì khi nào cần tiền thì báo trước vài ngày để anh C thu xếp trả nợ.

Đến ngày 30/10/2011, anh cho C vay tiếp 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) để xây nhà, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,2%/tháng, lãi trả hàng tháng còn tiền gốc thì khi nào cần tiền thì báo trước vài ngày để anh C thu xếp trả nợ.

Như vậy, anh C còn nợ 02 khoản vay ngày 26/12/2010 và ngày 30/10/2011 là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Anh H chỉ cho anh C vay chứ không có cho chị Th vay. Tại thời điểm anh H cho vay thì anh C và chị Th chưa có kết hôn nên không biết chị Th là ai. Vì vậy, đây là khoản nợ riêng của anh C trước khi kết hôn với chị Th, không liên quan chị Th. Nay vợ chồng anh C và chị Th ly hôn tranh chấp về khoản nợ nêu trên thì đó là chuyện của hai người, không liên quan đến anh.

Anh H cũng không yêu cầu anh C trả số nợ 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) trong vụ án ly hôn giữa hai người nên không cung cấp giấy nợ gốc cho Tòa án. Đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị giải quyết vụ án trên theo quy định pháp luật. Hiện nay, anh H đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 724267 ngày 05/10/2015 do UBND TP. Tuy Hòa cấp cho anh C và chị Th (do anh C tự ý đưa cho anh H giữ chứ anh Hoàng không có yêu cầu). Khi nào anh C trả hết nợ thì anh H mới trả giấy tờ nhà đất cho vợ chồng chị Th, anh C.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 09/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các khoản 1, 4 điều 91, khoản 1 Điều 95; các điều 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56, 59, 62, 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 163, 164, 208, 209 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thu Th ly hôn anh Đặng Tấn C.

[2] Về con chung: không giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Th sở hữu, sử dụng nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 95 *(nay là thửa số*

138, tờ bản đồ địa chính số 66 đo đạc năm 2010), địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND thành phố T cấp ngày 05/10/2015 cho anh Đặng Tấn C và chị Nguyễn Thị Thu Th. *(Theo bản đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11/9/2019 của Công ty TNHH khảo sát đo đạc Phú Yên).*

Chị Nguyễn Thị Thu Th có nghĩa vụ thối lại cho anh Đặng Tấn C số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu Th hỗ trợ cho anh Đặng Tấn C 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để anh C dọn nhà đến nơi ở khác.

Anh Đặng Tấn C được quyền lưu cư tại nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 95 *(nay là thửa số 138, tờ bản đồ địa chính số 66 đo đạc năm 2010)*, địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi chị Th thực hiện nghĩa vụ trả lại cho anh C số tiền 750.000.000đ xong thì chị Th được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động sang tên nhà, đất theo quy định pháp luật.

[4] Buộc anh Lê Kim H phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thu Th Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND thành phố T cấp ngày 05/10/2015 cho anh Đặng Tấn C và chị Nguyễn Thị Thu Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 26 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên có kháng nghị số: 03/QĐKNPT-VKS-DS; đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung chia tài sản chung của bản án sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, Phú Yên;

- Ngày 26 tháng 3 năm 2020 bị đơn anh Đặng Tấn C kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T;

- Ngày 05 tháng 6 năm 2020 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Kim H kháng cáo bản án sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu vợ chồng anh Đặng Tấn C và chị Nguyễn Thị Thu Th trả cho anh H 1.000.000.000 đồng và anh H sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C, chị Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th và bị đơn anh Đặng Tấn C tự nguyện thỏa thuận: Anh C nhận nhà, đất và thối lại cho chị Th số tiền 490.000.000đ;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Kim H: Nếu anh C nhận nhà, đất và chị Th đồng ý để anh C nhận nhà, đất và thối lại 490.000.000đ cho chị Th thì anh H sẽ cho anh C mượn 490.000.000đ để trả cho chị Th. Anh H rút đơn kháng cáo, khoản tiền anh C mượn của anh H, hai anh sẽ tự giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015 – Sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th và bị đơn anh Đặng Tấn C thỏa thuận: Anh C nhận nhà, đất thối lại cho chị Th 490.000.000đ và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi liên quan anh Lê Kim H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 12/3/2020, bị đơn anh Đặng Tấn C kháng cáo vào ngày 26/3/2020 và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm vào ngày 03/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T có Quyết định kháng nghị số: 03/QĐNKPT-VKS-DS ngày 26/3/2020 là kháng cáo, kháng nghị hợp lệ; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Kim H vắng mặt tại phiên tòa, nhận được Bản án sơ thẩm vào ngày 03/6/2020, đến ngày 05/6/2020 gửi đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, ngày 08/6/2020 nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại quyết định của bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thu Th ly hôn anh Đặng Tấn C. Quyết định này không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về tài sản chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C chị Th đã thỏa thuận anh C nhận nhà, đất và thối lại cho chị Th số tiền 490.000.000đ. Đây là sự tự nguyên không trái pháp luật, nên ghi nhận và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Kim H rút toàn bộ kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Lê Kim H.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm anh C, chị Th thỏa thuận tài sản chung trị giá 980.000.000đ, nên mỗi bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 490.000.000đ là 23.600.000đ (20.000.000đ + 4% x 90.000.000đ =

23.600.000đ). Anh C, chị Th đều có đơn xin giảm án phí vì hoàn C khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm, còn phải nộp 11.800.000đ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Đặng Tấn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi liên quan anh Lê Kim H, rút kháng cáo tại phiên tòa phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Đặng Tấn C – Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th và bị đơn anh Đặng Tấn C: Chị Nguyễn Thị Thu Th giao cho anh Đặng Tấn C sở hữu ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 95 *(nay là thửa số 138, tờ bản đồ địa chính số 66 đo đạc năm 2010)*, địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND thành phố T cấp ngày 05/10/2015 cho anh Đặng Tấn C và chị Nguyễn Thị Thu Th. *(Theo bản đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11/9/2019 của Công ty TNHH khảo sát đo đạc Phú Yên).* Anh Đặng Tấn C có nghĩa vụ thối lại cho chị Nguyễn Thị Thu Th số tiền 490.000.000đ, đã giao nhận đủ tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012303 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Đặng Tấn C mỗi người phải chịu 11.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đặng Tấn C được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001314 ngày 03/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, còn phải nộp 11.500.000đ.

Hoàn lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Kim H 21.000.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0001599 ngày 29/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Người có quyền lợi liên quan anh Lê Kim H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001458 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thành phố T (2);
- CCTHADS thành phố T (1);
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang